

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/KDTM-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

2. Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức: Bà Lê Thị Ngọc Bích.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 08 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức Hoàng, sinh năm 1981 – phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Châu Đức. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Thành, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam là ông Phạm Đức Hoàng trình bày:

Bà Nguyễn Thị D có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/8149690/HĐTD được ký kết ngày 14/12/2015 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị D cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay vốn: Canh tác tiêu và chăn nuôi heo.
- Thời hạn vay: 11 tháng.
- Lãi suất vay: 9.5%/năm (được điều chỉnh 03 tháng/lần); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị D có thể chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/8149690/HĐBĐ ký ngày 14/12/2015, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Đức - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, số công chứng 2669, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2015: Thế chấp đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất BU 277982 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 04/06/2014; thuộc thửa đất số: 183; Số tờ bản đồ: 13; nhà đất tọa lạc tại xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh BR-VT. Tổng diện tích đất thế chấp là 2.564 m² (có 150 m² Thổ cư) trong đó có nhà trên đất, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị D và đã được Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Châu Đức.

- Tổng số tiền bà Nguyễn Thị D đã trả cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/8149690/HĐTD được ký kết ngày 14/12/2015 đến thời điểm khởi kiện là: 27.900.000 đồng, cụ thể:

+ Gốc: 0 đồng.

+ Lãi: 27.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị D bắt đầu vi phạm hợp đồng từ ngày 15-3-2016. Mặc dù bà D đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như thông báo, nhắc nhở bằng văn bản về việc trả nợ nhưng bà D vẫn không trả hết các khoản nợ cho ngân hàng. Dư nợ tạm tính đến ngày 30-8-2019 là: 518.170.000 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 350.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn: 113.797.014 đồng.

+ Lãi quá hạn: 54.372.986 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30-8-2019 là: 518.170.000 đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị D còn phải trả lãi, phí trên số dư nợ gốc kể từ ngày 31-8-2019 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

Nếu bà Nguyễn Thị D không thanh toán đủ số nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp 01/2015/8149690/HĐBĐ ký ngày 14/12/2015 để thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thu hồi nợ thì bà Nguyễn Thị D tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng

trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Bà D không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Ngày 26-6-2019 Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là nhà và đất mà bà Nguyễn Thị D thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp 01/2015/8149690/HĐBĐ ký ngày 14/12/2015, kết quả xem xét thẩm định như sau: Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 90m², từ khi bà Nguyễn Thị D thế chấp cho Ngân hàng đến nay chỉ có bà D sinh sống thường xuyên trên nhà đất, nhà đất hiện không có tranh chấp cũng không cho thuê.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 30-8-2019 là 518.170.000 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn vay tiền mục đích để canh tác tiêu và chăn nuôi heo, như vậy xác định tranh chấp này là tranh chấp về dân sự, không phải là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo như thông báo thụ lý vụ án; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại huyện Châu Đức, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị D và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với qui định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng qui định của Bộ luật dân sự 2015 để xem xét giải quyết.

[3.1] Về các hợp đồng tín dụng: Bà Nguyễn Thị D và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kí kết hợp đồng tín dụng số: 01/2015/8149690/HĐTD 14-12-2015 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay vốn: Canh tác tiêu và chăn nuôi heo.
- Thời hạn vay: 11 tháng.
- Lãi suất vay: 9.5%/năm (được điều chỉnh 03 tháng/lần); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Hợp đồng tín dụng trên các đương sự kí kết dựa trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng tuân thủ các qui định về hình thức, phù hợp với các qui định của pháp luật như vậy hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thừa nhận bà Nguyễn Thị D đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi suất là 27.900.000 đồng, số tiền vốn bà D chưa trả cho Ngân hàng được khoản nào.

Nay do khoản vay trên đã quá hạn từ ngày 15-3-2019 nên ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đến ngày 30-8-2019 là 518.170.000 đồng trong đó nợ gốc là 350.000.000đ, lãi trong hạn là 113.797.014 đồng, lãi quá hạn bắt đầu tính từ ngày 15-3-2019 là 54.372.986 đồng.

Căn cứ vào khoản 4 của các hợp đồng tín dụng các bên đã kí kết, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 91,94,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng từ ngày 15-3-2019 là phù hợp với qui định của Ngân hàng nhà nước về việc cho vay của các Tổ chức tín dụng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất còn thiếu là chính đáng nên được chấp nhận, cần buộc bà D phải thanh toán tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 30-8-2019 cho Ngân hàng là 518.170.000 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3.2] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay vốn của bà Nguyễn Thị D, vào ngày 14-12-2015 bà Nguyễn Thị D và ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có ký hợp đồng thế chấp tài sản theo theo đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/8149690/HĐBĐ, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Minh Đức - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, số công chứng 2669, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2015. Tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 277982 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 04/06/2014; thuộc thửa đất số: 183; Số tờ bản đồ: 13; nhà đất tọa lạc tại xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh BR-VT. Tổng diện tích đất thế chấp là 2.564 m² (có 150 m² Thổ cư) trong đó có nhà trên đất, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị D và đã được Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Châu Đức ngày 14-12-2015.

Xét thấy việc thế chấp tài sản đã được đăng kí giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng kí Đất đai huyện Châu Đức ngày 14-12-2015 là phù hợp với các quy định tại các Điều 194, 318, 319 của Bộ luật dân sự 2015, như vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp bà Nguyễn Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, yêu cầu trên phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà D có nghĩa vụ phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo qui định của pháp luật.

[3.3] Trường hợp bà Nguyễn Thị D đã thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ chi phí này. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã được Ngân hàng tạm ứng toàn bộ nên cần buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ 518.170.000 đồng là 20.000.000đ + 4% (118.170.000đ) = 24.726.800đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 194, 298, 299, 318, 319, 320, 322 của bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

1. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 30-8-2019 là 518.170.000đ (Năm trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 113.797.014 đ (một trăm mười ba triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn bắt đầu tính từ ngày 15-3-2019 là 54.372.986 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BU 277982 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 04/06/2014; thuộc thửa đất số: 183; Số tờ bản đồ: 13; nhà đất tọa lạc tại xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh BR-VT. Tổng diện tích đất thế chấp là 2.564 m² trong đó có nhà trên đất.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thì bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết số nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 01/2015/8149690/HĐTD được ký kết ngày 14/12/2015 giữa các bên.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D đã thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 01/2015/8149690/HĐTD được ký kết ngày 14/12/2015 giữa các bên.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ. Do chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã được ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tạm ứng trước toàn bộ nên bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 1.000.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.757.000đ (mười triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003347 ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (30-8-2019); bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Quảng Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền